

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN KHÓA ĐH13; ĐH14
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026 DO SỬA CHỮA TÒA NHÀ A

(Áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy khóa 13; khóa 14)

1. Thời gian thi:

Ca 1: 8h, Ca 2: 10h, Ca 3: 13h30, Ca 4: 15h30, Ca 5: 17h30, Ca 6: 19h30.

2. Một số lưu ý:

- Căn cứ lịch thi kết thúc học phần, các khoa phân công giảng viên ra đề thi, coi thi, chấm thi.
- Khoa/ Bộ môn, Cố vấn học tập, Chủ nhiệm lớp có trách nhiệm thông báo lịch thi tới sinh viên
- Trước khi thi 03 ngày làm việc, sinh viên xem phòng thi, danh sách thi trên website Trường và cổng thông tin sinh viên.

3. Điều chỉnh lịch thi:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Lịch thi đã ban hành			Lịch thi điều chỉnh		
						Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi
1	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 3	2	Bài tập lớn	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	A.501	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	M.201
2	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 3	2	Bài tập lớn	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	A.502	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	M.202
3	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 4	2	Bài tập lớn	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	A.503	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	M.301
4	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 4	2	Bài tập lớn	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	A.504	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4	M.302
5	BKPB116	Chính sách biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững	ĐH13BK	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.210	17/12/2025	Ca 5	C.202
6	ĐCQT107	Địa hóa môi trường	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.301	17/12/2025	Ca 5	C.308
7	KBQB109	Quản lý nguồn lợi hải sản	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.302	17/12/2025	Ca 5	M.102
8	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.404	17/12/2025	Ca 5	M.303
9	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.405	17/12/2025	Ca 5	M.304
10	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.406	17/12/2025	Ca 5	M.401

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Lịch thi đã ban hành			Lịch thi điều chỉnh		
						Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi
11	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.408	17/12/2025	Ca 5	M.402
12	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.410	17/12/2025	Ca 5	M.403
13	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.501	17/12/2025	Ca 5	M.301
14	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.502	17/12/2025	Ca 5	C.101A
15	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.503	17/12/2025	Ca 5	M.105
16	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.504	17/12/2025	Ca 5	M.404
17	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.505	17/12/2025	Ca 5	M.302
18	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.506	17/12/2025	Ca 5	M.202
19	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.508	17/12/2025	Ca 5	M.203
20	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.510	17/12/2025	Ca 5	M.201
21	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.601	17/12/2025	Ca 5	M.204
22	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.303	17/12/2025	Ca 5	C.402
23	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.304	17/12/2025	Ca 5	C.406
24	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.305	17/12/2025	Ca 5	C.401
25	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.306	17/12/2025	Ca 5	C.407
26	KVTV112	Chỉnh biên thủy văn	ĐH13T	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.205	17/12/2025	Ca 5	C.205
27	MTCM123	Kỹ thuật xử lý nước thải	ĐH13M	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.401	17/12/2025	Ca 5	C.408
28	MTCM123	Kỹ thuật xử lý nước thải	ĐH13M	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.402	17/12/2025	Ca 5	C.409
29	MTCM123	Kỹ thuật xử lý nước thải	ĐH13M	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.403	17/12/2025	Ca 5	C.411

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Lịch thi đã ban hành			Lịch thi điều chỉnh		
						Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi
30	MTĐQ190	Quản lý và kiểm soát phòng thí nghiệm phân tích thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.608	17/12/2025	Ca 5	M.103
31	MTĐQ190	Quản lý và kiểm soát phòng thí nghiệm phân tích thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.610	17/12/2025	Ca 5	M.104
32	MTQM159	Kinh tế sinh thái và phát triển bền vững	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.206	17/12/2025	Ca 5	C.304
33	MTQM159	Kinh tế sinh thái và phát triển bền vững	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.208	17/12/2025	Ca 5	C.309
34	MTQT182	An toàn sinh học	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.606	17/12/2025	Ca 5	C.104
35	NNTA125	Độc-Viết 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.602	17/12/2025	Ca 5	C.503C
36	NNTA125	Độc-Viết 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.603	17/12/2025	Ca 5	C.504A
37	NNTA125	Độc-Viết 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.604	17/12/2025	Ca 5	C.504B
38	QĐCT116	Cơ sở dữ liệu bất động sản	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.308	17/12/2025	Ca 5	C.301
39	QĐCT116	Cơ sở dữ liệu bất động sản	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.310	17/12/2025	Ca 5	C.302
40	TNTM104	Tính toán và dự báo nhu cầu sử dụng nước	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	17/12/2025	Ca 5	A.605	17/12/2025	Ca 5	C.311
41	ĐCQT104	Tinh thể - Khoáng vật học đại cương - Thực tập	ĐH14KĐ	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 1	A.203	18/12/2025	Ca 1	C.205
42	KTKD194	Khởi tạo doanh nghiệp	ĐH14BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 1	A.201	18/12/2025	Ca 1	C.101A
43	KTKD194	Khởi tạo doanh nghiệp	ĐH14BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 1	A.202	18/12/2025	Ca 1	C.104
44	QĐCT113	Tin học ứng dụng 2	ĐH13BĐS	3	Thực hành	18/12/2025	Ca 1 + Ca 2	A.901	29/12/2025	Ca 1 + Ca 2	A.901
45	QĐCT113	Tin học ứng dụng 2	ĐH13BĐS	3	Thực hành	18/12/2025	Ca 1 + Ca 2	A.903	29/12/2025	Ca 1 + Ca 2	A.903
46	QĐCT113	Tin học ứng dụng 2	ĐH13BĐS	3	Thực hành	18/12/2025	Ca 1 + Ca 2	A.904	29/12/2025	Ca 1 + Ca 2	A.904
47	KVKT110	Dự báo số trị	ĐH13K	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 2	A.608	18/12/2025	Ca 2	C.104
48	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 2	A.604	18/12/2025	Ca 2	C.205

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Lịch thi đã ban hành			Lịch thi điều chỉnh		
						Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi
49	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 2	A.605	18/12/2025	Ca 2	C.301
50	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 2	A.606	18/12/2025	Ca 2	C.302
51	TNTĐ110	Phân tích đánh giá chất lượng nước	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 2	A.603	18/12/2025	Ca 2	C.309
52	KVKT120	Máy khí tượng	ĐH14K	3	Vấn đáp	18/12/2025	Ca 3	A.610	18/12/2025	Ca 3	C.101A
53	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 4	A.605	18/12/2025	Ca 4	C.301
54	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 4	A.606	18/12/2025	Ca 4	C.302
55	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 4	A.608	18/12/2025	Ca 4	C.304
56	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 4	A.610	18/12/2025	Ca 4	C.202
57	BKPB121	Khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính	ĐH13BK	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.410	18/12/2025	Ca 5	C.104
58	ĐCQT108	Tin học địa chất 1	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.408	18/12/2025	Ca 5	C.407
59	KBQB110	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.603	18/12/2025	Ca 5	C.401
60	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.503	18/12/2025	Ca 5	M.102
61	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.504	18/12/2025	Ca 5	M.103
62	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.505	18/12/2025	Ca 5	M.104
63	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.506	18/12/2025	Ca 5	M.105
64	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.605	18/12/2025	Ca 5	C.302
65	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.606	18/12/2025	Ca 5	C.304
66	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.608	18/12/2025	Ca 5	C.301
67	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.610	18/12/2025	Ca 5	C.309

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Lịch thi đã ban hành			Lịch thi điều chỉnh		
						Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi
68	KVTV113	Tính toán thủy văn	ĐH13T	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.508	18/12/2025	Ca 5	C.408
69	MTQM181	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.601	18/12/2025	Ca 5	C.202
70	MTQM181	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.602	18/12/2025	Ca 5	C.205
71	MTQT160	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.501	18/12/2025	Ca 5	C.402
72	MTQT160	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.502	18/12/2025	Ca 5	C.406
73	MTQT183	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.510	18/12/2025	Ca 5	C.308
74	TBTĐ121	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH13TĐ	2	Tự Luận (60 phút)	18/12/2025	Ca 5	A.604	18/12/2025	Ca 5	C.311
75	KĐHH104	Hóa học cơ sở trong địa chất	ĐH14KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 1	A.201	19/12/2025	Ca 1	C.101A
76	TBBV140	Bản đồ học	ĐH14BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 1	A.202	19/12/2025	Ca 1	C.205
77	TBBV140	Bản đồ học	ĐH14BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 1	A.203	19/12/2025	Ca 1	C.301
78	KVKT114	Quan trắc khí tượng bề mặt 2	ĐH13K	3	Vấn đáp	19/12/2025	Ca 2	A.610	19/12/2025	Ca 2	C.205
79	KVKT153	Lập trình trong khí tượng	ĐH14K	3	Thực hành	19/12/2025	Ca 3 + Ca 4	A.801	46013	Ca 3 + Ca 4	A.801
80	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 4	A.604	19/12/2025	Ca 4	C.202
81	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 4	A.605	19/12/2025	Ca 4	C.104
82	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 4	A.606	19/12/2025	Ca 4	C.301
83	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 4	A.608	19/12/2025	Ca 4	C.302
84	BKPB122	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	ĐH13BK	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.310	19/12/2025	Ca 5	M.304
85	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.504	19/12/2025	Ca 5	M.201
86	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.505	19/12/2025	Ca 5	M.102

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Lịch thi đã ban hành			Lịch thi điều chỉnh		
						Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi
87	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.506	19/12/2025	Ca 5	M.104
88	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.508	19/12/2025	Ca 5	M.202
89	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.510	19/12/2025	Ca 5	M.302
90	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.601	19/12/2025	Ca 5	M.203
91	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.602	19/12/2025	Ca 5	M.204
92	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.603	19/12/2025	Ca 5	M.103
93	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.604	19/12/2025	Ca 5	M.301
94	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.605	19/12/2025	Ca 5	M.105
95	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.606	19/12/2025	Ca 5	M.303
96	ĐCQT112	Quản lý và phát triển di sản địa chất	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.404	19/12/2025	Ca 5	C.402
97	KBQB112	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.503	19/12/2025	Ca 5	C.101A
98	KVTV117	Phân tích hệ thống nguồn nước	ĐH13T	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.408	19/12/2025	Ca 5	C.401
99	MTĐQ192	Công nghệ chế biến thực phẩm	ĐH13ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.405	19/12/2025	Ca 5	C.301
100	MTĐQ192	Công nghệ chế biến thực phẩm	ĐH13ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.406	19/12/2025	Ca 5	C.302
101	MTQM160	Hạch toán quản lý môi trường	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.501	19/12/2025	Ca 5	C.309
102	MTQM160	Hạch toán quản lý môi trường	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.502	19/12/2025	Ca 5	C.311
103	MTQT190	Chỉ thị sinh học môi trường	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.410	19/12/2025	Ca 5	C.202
104	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.401	19/12/2025	Ca 5	C.205
105	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.402	19/12/2025	Ca 5	C.304

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Lịch thi đã ban hành			Lịch thi điều chỉnh		
						Ngày thi	Ca thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng thi
106	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.403	19/12/2025	Ca 5	C.308
107	QĐQB128	Đăng ký bất động sản	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.608	19/12/2025	Ca 5	M.401
108	QĐQB128	Đăng ký bất động sản	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.610	19/12/2025	Ca 5	M.402
109	TNTM108	Chính sách quản lý Tài nguyên và Môi trường nước	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	19/12/2025	Ca 5	A.308	19/12/2025	Ca 5	C.104
110	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 6	A.605	19/12/2025	Ca 5	C.406
111	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 6	A.606	19/12/2025	Ca 5	C.407
112	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 6	A.608	19/12/2025	Ca 5	C.408
113	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	19/12/2025	Ca 6	A.610	19/12/2025	Ca 5	C.409
114	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	25/12/2025	Ca 3	C.501	31/12/2025	Ca 1 + Ca 2	C.501
115	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	25/12/2025	Ca 3	C.507	31/12/2025	Ca 1 + Ca 2	C.507
116	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	25/12/2025	Ca 4	C.501	31/12/2025	Ca 3 + Ca 4	C.501
117	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	25/12/2025	Ca 4	C.507	31/12/2025	Ca 3 + Ca 4	C.507

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng Vũ Danh Tuyên (để báo cáo);
- Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường;
- Công thông tin sinh viên;
- Lưu VT, ĐT.VA (2).

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lưu Văn Huyền